



RSM DTL Auditing
Connected for Success



**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01
đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781 ngày 14 tháng 01 năm 2002 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302511219 vào ngày 21 tháng 06 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776 ngày 19 tháng 08 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 03 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121 ngày 10 tháng 10 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-002 vào ngày 18 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện ...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Bùi Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Chu Việt Cường	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Nguyễn Bích Liên	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Bích Lân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2013)

3. Tình hình kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

Trong kỳ, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 2.386.631.882 đồng, giảm 67% so với cùng kỳ năm trước. Tổng Giám đốc Công ty cho rằng lợi nhuận trong kỳ giảm chủ yếu là do khoản trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty con tương ứng khoản lỗ phát sinh tại công ty con này, điều đó làm cho chi phí tài chính tăng đột biến so với kỳ trước, do đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung trong kỳ của Công ty.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

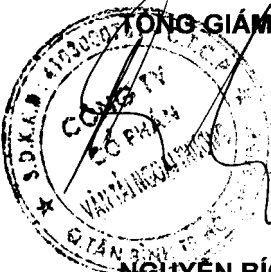

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN



Số: 14.168/BCSX-DTL

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lập ngày 16 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 31 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2013



KIỂM TOÁN VIÊN

LỤC THỊ VÂN
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0172-2013-026-1

NGUYỄN CHÁNH THÀNH
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0544-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.989.119.976	64.803.462.942
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	19.923.225.987	25.974.857.046
1. Tiền	111		4.301.683.072	8.061.478.259
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.621.542.915	17.913.378.787
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	2.707.200.000	790.400.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.707.200.000	790.400.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	26.878.057.764	28.016.444.399
1. Phải thu khách hàng	131		31.741.305.922	32.621.331.510
2. Trả trước cho người bán	132		132.509.789	32.602.500
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		5.999.800	2.679.090
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.001.757.747)	(4.640.168.701)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.480.636.225	10.021.761.497
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		103.594.409	75.683.073
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		49.920.971	72.743.853
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		319.418.002	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	7.007.702.843	9.873.334.571

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.922.297.596	81.323.606.112
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		3.695.529.665	4.240.802.667
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	2.256.062.755	2.678.015.135
+ Nguyên giá	222		7.728.279.586	8.478.851.740
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.472.216.831)	(5.800.836.605)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	1.439.466.910	1.562.787.532
+ Nguyên giá	228		1.814.011.679	1.833.681.679
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(374.544.769)	(270.894.147)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.7)	74.544.562.247	76.421.470.527
1. Đầu tư vào công ty con	251		47.120.408.200	40.260.408.200
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		25.625.360.000	26.425.360.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.522.755.327	10.522.755.327
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(8.723.961.280)	(787.053.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		682.205.684	661.332.918
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		642.918.584	574.932.918
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		39.287.100	86.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		135.911.417.572	146.127.069.054

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.919.450.462	37.990.692.665
I. Nợ ngắn hạn	310		29.749.450.462	37.820.692.665
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.8)	6.381.335.599	9.130.565.422
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.8)	5.001.574.002	11.884.199.237
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.9)	677.562.272	1.671.035.537
5. Phải trả người lao động	315	(5.10)	625.280.369	3.205.472.685
6. Chi phí phải trả	316	(5.11)	11.483.285.652	5.889.058.181
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.12)	755.114.524	845.346.346
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.13)	4.825.298.044	5.195.015.257
II. Nợ dài hạn	330		170.000.000	170.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		170.000.000	170.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.991.967.110	108.136.376.389
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14.1)	105.991.967.110	108.136.376.389
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.14.2)	56.000.000.000	56.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.402.850.000	2.402.850.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(155.000.000)	(155.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.518.000.000	2.518.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.14.5)	44.226.117.110	47.370.526.389
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		135.911.417.572	146.127.069.054

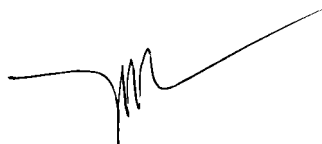
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		829.468,99	1.041.315,29
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN TRỊNH PHƯƠNG THẢO

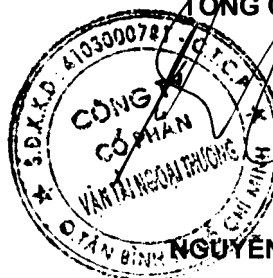
KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		114.224.749.232	100.276.866.673
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	114.224.749.232	100.276.866.673
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	106.516.491.656	93.585.741.595
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.708.257.576	6.691.125.078
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	8.461.580.359	6.458.236.775
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	9.282.526.659	884.245.863
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	4.590.314.849	4.056.314.640
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.296.996.427	8.208.801.350
11. Thu nhập khác	31		89.635.455	18.581.818
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		89.635.455	18.581.818
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.386.631.882	8.227.383.168
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)		1.068.927.791
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.386.631.882	7.158.455.377

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU



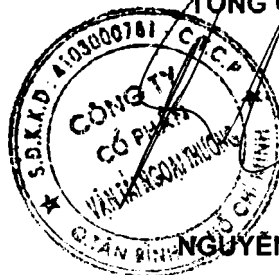
NGUYỄN TRỊNH PHƯƠNG THẢO

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.386.631.882	8.227.383.168
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		455.766.915	453.410.264
Các khoản dự phòng	03		8.298.497.326	8.944.436
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.414.310.823)	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.796.510.415)	(5.444.748.540)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.930.074.885	3.244.989.328
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		51.456.988	14.317.899.064
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(8.413.693.877)	2.951.742.549
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		64.619.085	(358.801.686)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.405.346.269)	(2.812.617.395)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		7.195.524.687	1.645.870.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.538.153.350)	(4.340.370.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(3.115.517.851)	14.648.711.858
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(71.010.000)	(127.015.454)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		89.635.455	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.855.600.000)	(126.548.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		86.000.000	5.780.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.860.000.000)	(25.760.408.200)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		800.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		6.706.874.960	5.444.748.540
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.104.099.585)	(14.789.223.114)

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			3.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.784.578.750)	(5.568.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.784.578.750)	(2.568.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.004.196.186)	(2.708.861.256)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25.974.857.046	26.219.671.692
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		952.565.127	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		19.923.225.987	23.510.810.436

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN TRỊNH PHƯƠNG THẢO

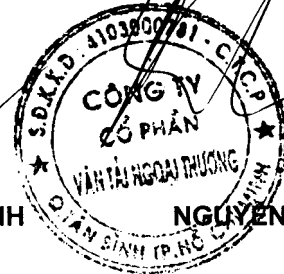
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781 ngày 14 tháng 01 năm 2002 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302511219 vào ngày 21 tháng 06 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776 ngày 19 tháng 08 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 03 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121 ngày 10 tháng 10 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-002 vào ngày 18 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện ...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hạch toán trong kỳ, riêng các khoản mục phi tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Phần mềm vi tính	03 - 10 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.7. Lương

Căn cứ theo quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Trong kỳ, Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2013.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành (25%).
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác, tài sản tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

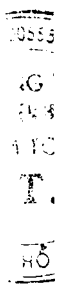
- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 17)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	599.198.016	705.605.299
Tiền gửi ngân hàng	3.702.485.056	7.355.872.960
Các khoản tương đương tiền	<u>15.621.542.915</u>	<u>17.913.378.787</u>
Tổng cộng	<u>19.923.225.987</u>	<u>25.974.857.046</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	31.741.305.922	32.621.331.510
Trả trước cho người bán	132.509.789	32.602.500
Các khoản phải thu khác	<u>5.999.800</u>	<u>2.679.090</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	31.879.815.511	32.656.613.100
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	<u>(5.001.757.747)</u>	<u>(4.640.168.701)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>26.878.057.764</u>	<u>28.016.444.399</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 1.105.371.605 đồng - xem thêm mục 7.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	1.549.827.843	805.201.134
Ký quỹ	<u>5.457.875.000</u>	<u>9.068.133.437</u>
Tổng cộng	<u>7.007.702.843</u>	<u>9.873.334.571</u>

Các khoản ký quỹ có chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ cho các hãng hàng không	4.957.875.000	7.323.800.000
Ký quỹ khác	<u>500.000.000</u>	<u>1.744.333.437</u>
Cộng	<u>5.457.875.000</u>	<u>9.068.133.437</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.337.273.150	3.786.093.177	1.355.485.413	8.478.851.740
Mua trong kỳ	-	-	71.010.000	71.010.000
Thanh lý trong kỳ	-	(105.976.791)	-	(105.976.791)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(35.320.000)	-	(680.285.363)	(715.605.363)
Số dư cuối kỳ	<u>3.301.953.150</u>	<u>3.680.116.386</u>	<u>746.210.050</u>	<u>7.728.279.586</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.445.825.531	2.454.834.293	900.176.781	5.800.836.605
Khấu hao trong kỳ	110.065.110	125.881.824	96.499.359	332.446.293
Thanh lý trong kỳ	-	(105.976.791)	-	(105.976.791)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(35.320.000)	-	(519.769.276)	(555.089.276)
Số dư cuối kỳ	<u>2.520.570.641</u>	<u>2.474.739.326</u>	<u>476.906.864</u>	<u>5.472.216.831</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	891.447.619	1.331.258.884	455.308.632	2.678.015.135
Tại ngày cuối kỳ	<u>781.382.509</u>	<u>1.205.377.060</u>	<u>269.303.186</u>	<u>2.256.062.755</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.718.618.944 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm vi tính
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.833.681.679
Giảm do phân loại lại	(19.670.000)
Số dư cuối kỳ	<u>1.814.011.679</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	270.894.147
Khấu hao trong kỳ	123.320.622
Giảm do phân loại lại	(19.670.000)
Số dư cuối kỳ	<u>374.544.769</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	1.562.787.532
Tại ngày cuối kỳ	<u>1.439.466.910</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 68.002.720 đồng.

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	47.120.408.200	40.260.408.200
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	25.625.360.000	26.425.360.000
Đầu tư dài hạn khác	10.522.755.327	10.522.755.327
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	83.268.523.527	77.208.523.527
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(8.723.961.280)	(787.053.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	<u>74.544.562.247</u>	<u>76.421.470.527</u>

Đầu tư vào Công ty con với chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	90,00%	40.500.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt (Vietway)	90,00%	5.620.408.200
Công ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam	100,00%	<u>1.000.000.000</u>
Cộng		<u>47.120.408.200</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết với chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine (Jardine)	51,00%	1.623.330.000
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)	30,00%	3.565.350.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	29,28%	4.392.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics Jsc.)	24,12%	13.200.000.000
Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	39,00%	624.000.000
Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam)	49,00%	<u>2.220.680.000</u>
Cộng		<u>25.625.360.000</u>

Đầu tư dài hạn khác có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vi Na Vinatrans (V truck)	9,81%	726.150.000
Công ty Liên doanh Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	9,15%	4.917.335.327
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	1,22%	1.650.000.000
Công ty Nissin	31,00%	<u>3.229.270.000</u>
Cộng		<u>10.522.755.327</u>

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn có chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	7.648.536.573	-
Công ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam	183.780.407	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine (Jardine)	225.481.300	-
Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	624.000.000	624.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	<u>42.163.000</u>	<u>163.053.000</u>
Tổng cộng	<u>8.723.961.280</u>	<u>787.053.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.8. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	6.381.335.599	9.130.565.422
Người mua trả tiền trước	<u>5.001.574.002</u>	<u>11.884.199.237</u>
Tổng cộng	<u>11.382.909.601</u>	<u>21.014.764.659</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Người mua trả tiền trước là các khoản khách hàng ứng trước tiền về cung cấp dịch vụ, trong đó, khoản phải trả các bên liên quan là 688.867.652 đồng - xem thêm mục 7.

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	416.903.095	352.204.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.085.950.081
Các loại thuế khác	<u>260.659.177</u>	<u>232.880.930</u>
Tổng cộng	<u>677.562.272</u>	<u>1.671.035.537</u>

5.10. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương tháng 13 phải trả nhân viên.

5.11. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí làm hàng phải trả - Chi nhánh Sài Gòn	8.012.767.623	4.785.715.800
Chi phí làm hàng phải trả - Chi nhánh Hà Nội	662.512.308	450.092.381
Tiền thưởng năng suất phải trả	1.757.088.785	-
Chi phí phải trả khác	<u>1.050.916.936</u>	<u>653.250.000</u>
Tổng cộng	<u>11.483.285.652</u>	<u>5.889.058.181</u>

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ tức phải trả	157.702.250	150.031.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	313.425.000	313.425.000
Khác	<u>283.987.274</u>	<u>381.890.346</u>
Tổng cộng	<u>755.114.524</u>	<u>845.346.346</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	5.195.015.257	2.706.195.259
Trích lập trong kỳ	1.738.791.161	5.323.000.000
Sử dụng trong kỳ	<u>(2.108.508.374)</u>	<u>(2.446.500.002)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>4.825.298.044</u>	<u>5.582.695.257</u>

(Phần tiếp theo ở trang 23)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.14. Vốn chủ sở hữu						
5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	1.518.000.000	47.338.468.361	107.104.318.361
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	11.939.558.028	11.939.558.028
Trích lập quỹ	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(11.907.500.000)	(11.907.500.000)
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	2.518.000.000	47.370.526.389	108.136.376.389
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.386.631.882	2.386.631.882
Trích lập quỹ	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(5.531.041.161)	(5.531.041.161)
Số dư cuối kỳ	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	3.518.000.000	44.226.117.110	105.991.967.110

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Transimex-Saigon	13.904.000.000	24,83%	13.904.000.000	24,83%
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	6.080.000.000	10,86%	6.080.000.000	10,86%
Các cổ đông khác	36.016.000.000	64,31%	36.016.000.000	64,31%
Tổng cộng	56.000.000.000	100,00%	56.000.000.000	100,00%

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2013, các cổ đông Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5.14.3. Cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức đã chi trả trong kỳ	2.784.578.750	5.568.350.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2013 thì cổ tức năm 2012 được chi trả bằng tiền mặt với tỷ lệ là 5%. Tỷ lệ chi trả cổ tức theo kế hoạch cho năm 2013 là 12%.

5.14.4. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	15.500	15.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.584.500	5.584.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.14.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	47.370.526.389	47.338.468.361
Trích cổ tức năm trước	(2.792.250.000)	(5.584.500.000)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	2.386.631.882	7.158.455.377
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.500.000.000)	(4.743.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(238.791.161)	(580.000.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	44.226.117.110	42.589.423.738

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu - Phòng hàng không	11.130.127.311	16.621.900.793
Doanh thu - Phòng đường biển	33.742.683.566	34.898.726.700
Doanh thu - Phòng Logistics	12.413.327.392	11.782.517.955
Doanh thu - Phòng phát triển kinh doanh	44.452.908.949	24.772.556.960
Doanh thu - Bảo quản hàng hóa	3.164.607.746	3.093.274.126
Doanh thu - Chi nhánh Hà Nội	9.321.094.268	9.107.890.139
Tổng cộng	114.224.749.232	100.276.866.673

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.515.080	266.071.446
Chi phí nhân công	8.559.764.833	7.761.488.009
Chi phí khấu hao tài sản cố định	345.039.736	333.720.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.275.876.314	80.582.332.896
Chi phí bằng tiền khác	4.209.295.693	4.642.129.158
Tổng cộng	106.516.491.656	93.585.741.595

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.552.895.726	5.094.172.303
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.754.705.399	1.013.488.235
Lãi tiền gửi ngân hàng	153.979.234	139.331.794
Lãi cho vay	-	211.244.443
Tổng cộng	8.461.580.359	6.458.236.775

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.345.618.379	1.041.402.863
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	7.936.908.280	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(157.157.000)
Tổng cộng	9.282.526.659	884.245.863

Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong kỳ chủ yếu là khoản trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế với số tiền là 7.648.536.573 đồng.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.730.318.178	1.475.759.856
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.819.432	20.118.418
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.727.179	119.690.178
Chi phí dự phòng	365.245.891	283.618.095
Chi phí bằng tiền khác	2.349.204.169	2.157.128.093
Tổng cộng	4.590.314.849	4.056.314.640

6.6. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.386.631.882	8.227.383.168
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.472.152.872	1.142.500.300
Trừ các khoản điều chỉnh giảm, trong đó:	(6.688.478.812)	(5.094.172.303)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.552.895.726)	(5.094.172.303)
- Giảm khác	(135.583.086)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	(2.829.694.058)	4.275.711.165
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp hiện hành	-	1.068.927.791

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế không được xem là chi phí được khấu trừ khi tính thuế TNDN như các khoản chi phí không có hóa đơn chứng từ, chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế khác là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền, phải thu có gốc ngoại tệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.515.080	266.071.446
Chi phí nhân công	10.290.083.011	9.237.247.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	455.766.915	453.410.264
Chi phí dự phòng	365.245.891	283.618.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.275.876.314	80.582.332.896
Chi phí bằng tiền khác	<u>6.593.319.294</u>	<u>6.819.375.669</u>
Tổng cộng	<u>111.106.806.505</u>	<u>97.642.056.235</u>

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Transimex-Saigon	Nhà đầu tư ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	Công ty con
3. Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt	Công ty con
4. Công ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam	Công ty con
5. Các công ty liên doanh, liên kết - xem thêm mục 5.7	Công ty liên doanh, liên kết

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư công nợ phải trả với bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.2	1.105.371.605	-
Phải trả - xem thêm mục 5.8	688.867.652	3.103.877.553

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.066.247.604	724.407.318
Lãi cho vay	-	211.244.443
Sử dụng dịch vụ	2.605.054.917	2.319.733.125
Vay	-	3.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Lương Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	568.263.168	606.353.088
Thù lao Hội đồng quản trị	550.100.000	-
Tổng cộng	1.118.363.168	606.353.088

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công nợ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.923.225.987	25.974.857.046
Phải thu khách hàng	26.739.548.175	27.981.162.809
Đầu tư ngắn hạn	2.707.200.000	790.400.000
Đầu tư dài hạn	10.480.592.327	10.359.702.327
Tài sản tài chính khác	5.497.162.100	9.154.533.437
Tổng cộng	65.347.728.589	74.260.655.619
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.022.462.849	9.764.021.422
Chi phí phải trả	9.726.196.867	5.889.058.181
Tổng cộng	16.748.659.716	15.653.079.603

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	-	37.484,42	1.238.523,40	1.575.762,82
Euro (EUR)	-	381,66	-	-

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	6.852.462.849	170.000.000	7.022.462.849
Chi phí phải trả	9.726.196.867	-	9.726.196.867
01/01/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	9.594.021.422	170.000.000	9.764.021.422
Chi phí phải trả	5.889.058.181	-	5.889.058.181

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	26.739.548.175	-	26.739.548.175
Đầu tư ngắn hạn	2.707.200.000	-	2.707.200.000
Đầu tư dài hạn khác	-	10.480.592.327	10.480.592.327
Tài sản tài chính khác	5.457.875.000	39.287.100	5.497.162.100
01/01/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	27.981.162.809	-	27.981.162.809
Đầu tư ngắn hạn	790.400.000	-	790.400.000
Đầu tư dài hạn khác	-	10.359.702.327	10.359.702.327
Tài sản tài chính khác	9.068.133.437	86.400.000	9.154.533.437

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

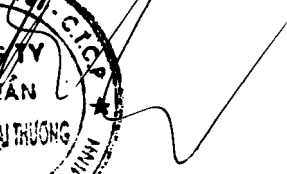
Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2013 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 16 tháng 08 năm 2013.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TRỊNH PHƯƠNG THẢO

LÊ THỊ NGỌC ANH

NGUYỄN BÍCH LÂN